

Bản án số: 35/2019/DS-PT
Ngày: 21/02/2019
V/v: *Đòi tài sản nhà đất.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Thiện
Các Thẩm phán: Ông Đinh Như Lâm
Bà Nguyễn Thu Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hồng Hoà - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội: Bà Trần Thị Ngoan
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 2 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 273/2018/TLPT-DS ngày 14 tháng 12 năm 2018 về việc “ Đòi tài sản là quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở ”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2018/DSST ngày 30/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện TO, TP Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 07/2019/QĐ-PT ngày 03 tháng 01 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa; Thông báo mở L phiên tòa của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Vũ Biên Th, sinh năm 1975. Địa chỉ: xóm TL, thôn ĐV, xã CV, huyện TO, Thành phố Hà Nội- Có mặt tại phiên tòa

2. *Bị đơn:* Ông Vũ Văn Tr, sinh năm 1957 và Bà HTL, sinh năm 1958. Địa chỉ: xóm TL, thôn ĐV, xã CV, huyện TO, Thành phố Hà Nội ; đại diện theo uỷ quyền của ông Tr và bà L là ông Nguyễn Đăng Ch, sinh năm 1965 là trưởng văn phòng công chứng BM, Hà Nội. Có mặt ông Tr, bà L và ông Ch tại phiên tòa.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà NTN, sinh năm 1972(vợ ông Th); Có mặt.

3.2. Anh VHD, sinh năm 1997,(con ông Th), có đơn xin xử vắng mặt.
Cùng địa chỉ: xóm TL, thôn ĐV, xã CV, huyện TO, thành phố Hà Nội.

3.3. Văn phòng công chứng BM, Hà Nội; Địa chỉ: số nhà 314, tổ 3, phố KB, huyện TO, Hà Nội. Đại diện theo pháp luật là: ông Nguyễn Đăng Ch, trưởng văn phòng.

3.4. Ông Vũ Văn C, sinh năm 1960; HKTT: TL, BH, TO, Hà Nội. Có đơn xin xử vắng mặt.

3.5. Ông Vũ Văn S, sinh năm 1962; HKTT: HB, ĐV, CV, TO, Hà Nội. Có mặt.

3.6. Ông Vũ Văn B, sinh năm 1965; HKTT: xóm Thắng Lợi, thôn ĐV, xã CV, huyện TO, thành phố Hà Nội. Có mặt.

3.7. Bà Vũ Thị T (tức sư thầy ĐTK), sinh năm 1948; Trụ trì chùa MN, xã TM, TL, Hà Nội. Xin xử vắng mặt.

3.6. Bà Vũ Thị Đ, sinh năm 1950; HKTT: xóm HB, ĐV, CV, TO, Hà Nội. Có mặt.

3.8. Bà Vũ Thị Th, sinh năm 1953; HKTT: AL, ĐV, CV, TO, Hà Nội. Có mặt.

3.9. Bà Vũ Thị Th1, sinh năm 1956; HKTT: TL, ĐV, CV, TO, Hà Nội. Có mặt.

3.10. Bà Vũ Thị T, sinh năm 1972; HKTT: AL, ĐV, CV, TO, Hà Nội. Có mặt.

- *Người kháng cáo:* ông Vũ Văn Tr là bị đơn; và Văn phòng công chứng BM do đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Đăng Ch là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

- *VKSND huyện TO kháng nghị.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là ông Vũ Biên Th trình bày: Bố mẹ ông là cụ Vũ Văn T (đã chết năm 1988) và cụ Nguyễn Thị L (đã chết năm 2017). Bố mẹ ông có 10 người con (5 trai và 5 gái) là: Ông Vũ Văn Trường, ;Ông Vũ Văn Ch; Ông Vũ Văn S; Ông Vũ Văn B; ông Vũ Biên Th; bà Vũ Thị T; bà Vũ Thị T; bà Vũ Thị Th; bà Vũ Thị Th1; bà Vũ Thị T.

Sau cải cách ruộng đất khoảng năm 1965-1982, bố mẹ ông được chính quyền cấp cho 5 mảnh đất đều ở địa chỉ: xóm TL, thôn ĐV, xã CV, huyện TO . Năm 1988, bố mẹ ông đã thống nhất chia cho các con sử dụng các thửa đất như sau:

DT 180m² đất : ông Vũ Văn Tr sử dụng.

DT 524m² đất: ông Vũ Văn Ch sử dụng.

DT 160m² ông Vũ Văn S sử dụng.

DT 360m² ông Vũ Văn B sử dụng.

DT 245m² đất ông Vũ Biên Th sử dụng và ở cùng với bố mẹ là cụ Vũ Văn T và cụ Nguyễn Thị L.

Thửa đất có DT 160m2 ông Sinh sử dụng 1 thời gian thì chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn V để mua đất khác ở.

Ông là con út nên ở với bố mẹ tại thửa đất bố mẹ chia cho và chị gái Vũ Thị T , anh Vũ Văn B (chưa lập gia đình). Sau khi bố chết, ông Bình lấy vợ ở riêng tại thửa đất bố mẹ chia cho. Bà T xây dựng gia đình về nhà chồng ở. Chỉ còn ông cùng mẹ ở tại nhà đất; Ngôi nhà cấp 4 bố mẹ xây đã cũ nát; nên đầu năm 2002, ông đã phá nhà cũ xây 3 gian nhà chính mái gỗ và hoàn thiện nốt gian buồng vào năm 2004. Mẹ ông cùng vợ chồng và các con ở ổn định tại nhà đất này. Năm 2012, UBND huyện TO cấp GCNQSD đất mang tên hộ gia đình cụ Nguyễn Thị L.

Cuối năm 2013, cụ L bị ốm do tuổi cao; vợ chồng ông Tr bà L đã lấy cố sang chăm sóc mẹ; rồi chửi mắng vợ chồng ông, vất tài sản đồ đạc của con ông ra khỏi nhà; đập phá bể nước, mở cổng đi khác; xây công trình ngăn nhà đất....đến 14/7/2017 cụ L chết. Còn ông Tr bà L vẫn ở tại phần nhà đất của ông mà ông Tr tự xây ngăn ranh giới.

Ông Tr bà L lấy lý do có bản di chúc của cụ L lập năm 2015 cho ông Tr bà L phần đất bố mẹ đã chia cho ông; Ông yêu cầu Toà án không chấp nhận bản di chúc này, vì năm 2013 cụ L bị đột quy và bệnh viện đã trả về nhà nên không còn minh mẫn để làm di chúc nữa. Đề nghị vợ chồng ông Tr trả L cho hộ gia đình ông phần nhà đất đã tự ý chiếm. Ông không yêu cầu chia thừa kế tài sản của bố mẹ.

Bị đơn ông Vũ Văn Tr và bà HTL trình bày : Ông bà thừa nhận về quan hệ huyết thống gia đình như ông Th đã khai; Công nhận khi bố còn sống đã cùng với mẹ là cụ L phân chia nhà đất cho mỗi con trai một thửa đất ở riêng không ai có ý kiến gì. Năm 2013, cụ L bị ốm nên ông bà có sang ở tại nhà đất cụ L đang ở cùng vợ chồng ông Th để tiện chăm nom cụ. Năm 2015, cụ L có làm di chúc cho vợ chồng ông nhà đất mà vợ chồng ông Th cùng cụ đang ở. Nay cụ L đã chết, ông bà cũng đã được bố mẹ chia đất rồi nhưng vẫn đề nghị Toà án căn cứ vào di chúc cụ L lập năm 2015 để công nhận cho ông bà được hưởng tài sản theo di chúc và làm nơi thờ cúng, anh em có trách nhiệm chung. Ông bà cũng không yêu cầu chia thừa kế.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan :

- Bà Nguyễn Thị Ng (vợ ông Th); và anh Vũ Hồng D(con ông Th) đều nhất trí như khởi kiện của ông Th.

- Bà Vũ Thị T: có đơn từ chối tham gia tố tụng và khước từ mọi quyền lợi, không đòi hỏi gì về việc thừa kế tài sản của bố mẹ.

- Bà Vũ Thị Đ, Vũ Thị Th, Vũ Thị Th1, Vũ Văn C, Vũ Văn S đều thống nhất trình bày: Các ông bà không yêu cầu chia thừa kế tài sản của bố mẹ và có ý kiến phần tài sản theo di chúc của cụ L lập năm 2015 để làm nơi thờ cúng.

- Bà Vũ Thị T trình bày: bà không yêu cầu chia thừa kế; đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết vụ kiện giữa ông Th và ông Tr.

- Ông Vũ Văn B trình bày: Bố mẹ đã chia đất cho các con trai từ khi cả bố và mẹ còn sống. Diện tích đất và nhà trên đất có tranh chấp là của ông Th được bố mẹ chia cho; còn nhà của ông Th làm ; vì vậy ông Tr phải trả L nhà đất cho ông Th.

- Ông Nguyễn Đăng Ch (trưởng văn phòng công chứng BM và là công chứng viên bản di chúc) trình bày: ông chỉ chứng thực chữ ký của cụ L, không chứng thực nội dung đối với bản di chúc cụ L lập năm 2015.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2018/DSST ngày 30/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện TO đã quyết định: Xử:

1.Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Vũ Biên Th về yêu cầu đòi tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất.

2.Xác định di chúc của cụ Nguyễn Thị L đối với phần tài sản giao cho ông Vũ Văn Tr và bà HTL sau khi xem xét nội dung và hình thức là không hợp pháp do đó không có hiệu lực thi hành.

3. Không chấp nhận yêu cầu của ông Tr, bà L đối với yêu cầu công nhận di chúc của cụ Nguyễn Thị L. Buộc ông Vũ Văn Tr và bà HTL phải trả L nhà đất cho ông Vũ Biên Th và các thành viên trong hộ gia đình ông Th.

Buộc ông Vũ Văn Tr và bà HTL phải dời khởi nhà ở, đất ở của hộ gia đình cụ Nguyễn Thị L.

Giao phần nhà đất hiện ông Tr , bà L đang quản lý, sử dụng gồm 01 căn nhà 03 gian lợp ngói trên diện tích đo đạc thực tế 95,6m² của hộ ông (bà) Nguyễn Thị L cho các thành viên trong hộ gia đình gồm:

Ông Vũ Biên Th sinh năm 1975; bà Nguyễn Thị Ng sinh năm 1972; anh Vũ Văn D sinh năm 1997; cháu Vũ Q sinh ngày 29/8/2007 và cháu Vũ Quang M sinh ngày 9/7/2010 cùng quản lý và sử dụng (Do ông Vũ Biên Th làm đại diện). Có sơ đồ cụ thể kèm theo bản án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định nghĩa vụ nộp án phí của các bên đương sự; quyền kháng cáo bản án theo quy định ; quyền thi hành án khi bản án sơ thẩm có HLPL.

Ngày 13/11/2018, ông Vũ Văn Tr nộp đơn kháng cáo bản án sơ thẩm số: 11/2018/DS-ST ngày 30/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện TO và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét và huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 12/11/2018, Văn phòng công chứng BM do người đại diện theo pháp luật có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xử huỷ bản án dân sự sơ thẩm.

Ngày 14/11/2018, VKSND huyện TO có quyết định kháng nghị số 03/QĐKNPT-VKS-DS v/v KN đối với bản án sơ thẩm số: 11/2018/DS-ST ngày

30/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện TO và đề nghị Toà án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do:

- Ông Th khởi kiện ông Tr, bà L trả L diện tích 106m² đất và nhà trên đất ; yêu cầu hủy di chúc cụ L đã làm và có công chứng. Còn ông Tr và bà L yêu cầu công nhận di chúc của cụ L. Vì vậy, phải xác định quan hệ pháp luật vụ án là: *“Tranh chấp quyền sử dụng nhà và đất ở; và chia thừa kế theo di chúc”*.

-Toà án cấp sơ thẩm chưa xác minh tại Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện TO để làm rõ nguồn gốc đất; di biến động của thửa đất qua các thời kỳ... chưa thu thập đầy đủ chứng cứ;

- Về án phí DSST: Toà án sơ thẩm thụ lý vụ án với quan hệ pháp luật là tranh chấp quyền sử dụng đất và nhà ở, do đó khi quyết định về án phí thì TA phải áp dụng án phí không giá ngạch. Tuy nhiên, Toà án L quyết định buộc ông Tr và bà L phải chịu án phí 52.627.590đ án phí DSST là vi phạm quy định của Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH...Đề nghị Toà án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm để hủy toàn bộ bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân huyện TO, Hà Nội.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn giữ nguyên quan điểm đã trình bày; và giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Ông Tr khai thêm, ngoài bản di chúc cụ L làm năm 2015; còn 1 bản di chúc cụ L làm năm 2009 và ông Sinh đã nộp bản di chúc 2009 tại phiên tòa phúc thẩm và ông đề nghị Toà án công nhận cả 2 bản di chúc đều có hiệu lực.

- Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa:

+Bà Đ, bà Th, bà Th1 cùng bổ sung thêm lời khai về việc các bà có góp tiền làm nhà 3 gian (hiện có tranh chấp) nhưng tài liệu chứng cứ các bà không có để xuất trình. Tại Toà án sơ thẩm, các bà không yêu cầu chia thừa kế tài sản của bố mẹ.

+Ông S xác định nhà 3gian do cụ L làm có công sức đóng góp của ông nhưng tài liệu chứng cứ ông không có để xuất trình. Ông không yêu cầu chia thừa kế.

+ Ông B khai: bố mẹ có 5 thửa đất nhưng cũng đã chia bằng miệng cho 5 con trai. Thửa đất có tranh chấp là của ông Th được bố mẹ chia thuộc quyền tài sản của ông Th; còn ngôi nhà 3 gian là tiền của ông Th làm công nhân cho ông và ông quản lý hộ ông Thsau đưa L để làm nhà; ngoài ra, ông là người cho thêm tiền để cùng ông Th xây nhà sạch sẽ cho ông Th và để cụ L sống tại nhà này lúc tuổi già. Nay cụ L chết, nhà đất của ông Th phải trả L cho ông Th. Bố mẹ đã chia đất xong cho các con nên ông không yêu cầu gì về thừa kế.

+ Bà Tuyết cho biết thêm: bà là người ở tại nhà đất bố mẹ cho ông Th cùng với cụ L và vợ con ông Th. Đất này bố mẹ bà chia cho ông Th; còn nhà 3 gian là

tài sản của ông Th làm ra. Bà đề nghị vợ chồng ông Tr trả L tài sản cho gia đình ông Th. Bố mẹ đã chia đất cho các anh trai nên bà không yêu cầu gì về thừa kế.

Các bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX phúc thẩm xử huỷ án sơ thẩm để giao hồ sơ cho Toà án nhân dân huyện TO giải quyết L vụ án theo hướng xem xét chia thừa kế tài sản.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; yêu cầu của các bên đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

I/ Đơn kháng cáo của ông Vũ Văn Tr và Văn phòng công chứng BM nộp trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng kháng cáo đúng quy định ; Quyết định kháng nghị của VKSND huyện TO gửi trong hạn quy định nên được chấp nhận xem xét.

II/ Xét nội dung kháng cáo của các đương sự, và nội dung kháng nghị của VKSND huyện TO thì thấy:

[1]. Quá trình xây dựng hồ sơ vụ án của Toà án sơ thẩm đã có những thiếu sót về thủ tục tố tụng vụ án: không ra Thông báo bổ sung người tham gia tố tụng...tuy nhiên Toà sơ thẩm đã báo gọi các đương sự để hoà giải việc giải quyết vụ án theo quy định pháp luật và các đương sự đều được trình bày quan điểm nguyện vọng trước Toà án về việc giải quyết vụ án; được nhận bản án dân sự sơ thẩm. Vì vậy, Toà án sơ thẩm cần giút kinh nghiệm về những thiếu sót thủ tục tố tụng khi xây dựng hồ sơ. Ngoài ra, do các đương sự trong vụ án không ai có yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sở hữu tài sản trên đất mang tên hộ gia đình cụ Nguyễn Thị L, không ai có yêu cầu chia thừa kế di sản của vợ chồng cụ L nên Toà án sơ thẩm không xem xét là đúng theo yêu cầu của các đương sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ huyết thống: ông Th và ông Tr là hai anh em ruột.

Bố mẹ các ông là cụ Vũ Văn T (chết năm 1988) và mẹ là cụ Nguyễn Thị L (chết năm 2017). Sinh thời các cụ sinh được 10 người con (5 con trai và 5 con gái) là Ông Vũ văn Tr; Ông Vũ Văn Ch; Ông Vũ Văn S; Ông Vũ Văn B; ông Vũ Biên Th; bà Vũ Thị T; bà Vũ Thị Đ; bà Vũ Thị Th; bà Vũ Thị Th1; bà Vũ Thị T.

[2.2]. Các đương sự đều có lời khai thống nhất: các thửa đất hiện nay 5 người con trai đang sử dụng đều có nguồn gốc của cụ T và cụ L được Nhà nước chia cho và 2 cụ đã phân chia cho 5 con trai. Cụ thể:

Thửa đất có DT 180m²: vợ chồng ông Tr đang sử dụng và đã được cấp GCNQSD đất mang tên hộ gia đình ông Tr (gồm có vợ chồng ông Tr và các con của ông bà).

Thửa đất có diện tích 524m²: vợ chồng ông C đang sử dụng và đã được cấp GCNQSD đất mang tên hộ gia đình ông C.

Thửa đất có diện tích 160m²: ông Sinh đã chuyển nhượng và mua diện tích đất khác ở.

Thửa đất có diện tích 360m²: vợ chồng ông B sử dụng và đã được cấp GCNQSD đất mang tên hộ gia đình ông B.

Thửa đất có diện tích 245m²: cụ L và vợ chồng cùng các con ông Th sử dụng. Trên đất trước kia có ngôi nhà cấp 4 do vợ chồng cụ L làm để ở, do nhà cũ nát nên năm 2002 lúc này cụ L còn sống đã cùng vợ chồng ông Th xây ngôi nhà 3 gian để ở; làm các công trình phụ phục vụ sinh hoạt gia đình. Năm 2012, nhà và đất này đã được UBND huyện TO cấp GCNQSD đất mang tên hộ gia đình cụ L (bao gồm: cụ L , vợ chồng ông Th và các con ông Th).

[3]. Xét lý do các bên có tranh chấp đối với một phần quyền sử dụng của thửa đất có diện tích 245m² và nhà 3 gian cấp 4 xây năm 2002:

Nguyên đơn ông Th cho rằng: khi cụ T còn sống, vào năm 1988 cụ T và cụ L đã phân chia cho 5 con trai mỗi người 1 thửa đất. Thửa đất có tranh chấp của ông được bố mẹ chia cho. Lý do thửa đất của ông mang tên hộ gia đình cụ L (mẹ ông) vì: ông là con út nên ở cùng mẹ; khi làm GCNQSD đất thì để cụ L đứng tên đại diện cả hộ gia đình (gồm có cụ L, vợ chồng và các con ông). Theo GCNQSD đất và tài sản gắn liền với đất thì nhà đất là tài sản của hộ gia đình cụ L và trong hộ có vợ chồng và các con của ông.

Ông Tr cho rằng: Ngoài diện tích đất 180m² bố mẹ chia cho ông; năm 2015, cụ L còn làm di chúc có công chứng để cho vợ chồng ông được hưởng 106m² đất là một phần đất của thửa đất diện tích 245m² (hiện gia đình ông Th đang ở) , trên đất có nhà 3 gian. Vì vậy, vợ chồng ông được quyền sở hữu tài sản theo di chúc.

[3.1]. Hội đồng xét xử xét thấy: Cụ T chết năm 1988, cụ L chết năm 2015. Về tài sản của 2 cụ, theo lời khai của các con 2 cụ đều xác định 2 cụ có 5 thửa đất và 2 cụ đã cho các con đất (chỉ nói bằng miệng không có văn bản). Vì vậy có căn cứ xác định di sản của 2 cụ là 5 thửa đất hiện nay 5 người con trai của 2 cụ sử dụng.

Và trong vụ án này, nguyên đơn không yêu cầu chia thừa kế di sản của bố mẹ; bị đơn không có yêu cầu phản tố để yêu cầu chia thừa kế của bố mẹ; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập về việc chia thừa kế của bố mẹ. Nguyên đơn ông Th yêu cầu Toà án bảo vệ quyền tài sản của hộ gia đình cụ L theo GCNQSD đất và tài sản có trên đất. Bị đơn vợ chồng ông Tr chỉ

yêu cầu Toà án căn cứ bản di chúc cụ L làm năm 2015 để công nhận quyền tài sản vợ chồng ông được hưởng theo di chúc, không yêu cầu chia thừa kế.

[3.2].Xem xét di chúc cụ L lập ngày 1/4/2015 như sau:

- Xét về hình thức di chúc: Di chúc được lập thành văn bản và có công chứng tại VPCC BM phù hợp với quy định tại Điều 627 BLDS 2015.

- Xét về điều kiện để di chúc là hợp pháp: Tại điểm a khoản 1 Điều 630 BLDS 2015 quy định “ Người lập di chúc minh mẫn, sáng suốt trong khi lập di chúc...”

Xét thời gian cụ L lập di chúc 1/4/2015: cụ L đã 87 tuổi (2015-1928); Cụ L đã cao tuổi, và thực trạng sức khỏe của cụ tại thời điểm lập di chúc cụ đã bị ốm đột quỵ, không đi L được, phải ngồi xe lăn và phải có người chăm sóc từ năm 2013... để đảm bảo cho điều kiện cụ L là người minh mẫn, sáng suốt trong khi lập di chúc lẽ ra cần phải có chứng nhận của cơ quan y tế; tuy nhiên VPCC BM đã không yêu cầu cụ L suất trình chứng nhận sức khỏe của cụ trước khi cụ lập di chúc; vì vậy, chưa có căn cứ để xác định cụ L lập di chúc trong tình trạng minh mẫn, sáng suốt. Mặt khác, tại hồ sơ do văn phòng công chứng BM cung cấp thì bộ hồ sơ công chứng di chúc L không có bản sao GCN quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất liên quan đến tài sản cụ L định đoạt trong di chúc là vi phạm các điều 40,41,56 Luật Công chứng năm 2014.

Về nội dung di chúc cụ L lập để di chúc 1 phần nhà đất cho vợ chồng ông Tr: Theo tài liệu xuất trình của nguyên đơn thì phần tài sản cụ L di chúc thuộc thửa đất số 109, tờ bản đồ số 21, diện tích 245m² thôn ĐV, xã CV, huyện TO, Hà Nội đã được UBND huyện TO cấp GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 658079 ngày 30/5/2012 cho hộ bà Nguyễn Thị L; đến tại thời điểm xét xử GCNQSD đất và nhà vẫn có hiệu lực.

Theo công văn số 01/CAXCV v/v “Cung cấp hồ sơ, giấy tờ” ngày 18/4/2018 của Công an xã CV thì hộ bà Nguyễn Thị L tại thời điểm được cấp GCNQSD đất và QSHNO có 6 nhân khẩu: Vũ Biên Th (chủ hộ); Nguyễn Thị L; Vũ Hồng D; Vũ Q; Vũ Quang M; Nguyễn Thị Ng. Theo quy định của Luật Đất Đai năm 2013 và các Điều 101,106,212,163,193 của BLDS năm 2015; theo khoản 4 Điều 146 Nghị định 181/2004 của Chính phủ thì nhà đất đã cấp cho hộ gia đình cụ Nguyễn Thị L thuộc quyền hợp pháp của những người có tên trong hộ khẩu bà L không phải tài sản của riêng cụ L.

Vì vậy, Toà án cấp sơ thẩm đã quyết định không chấp nhận di chúc cụ L lập ngày 1/4/2015 là có căn cứ.

[3.3].Tại phiên toà phúc thẩm, ông Tr đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xem xét cả di chúc do cụ L làm năm 2009 (bản di chúc năm 2009 do ông Sinh nộp) và yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm chấp nhận di chúc năm 2009 và di chúc năm 2015 đều do cụ L lập để công nhận quyền tài sản của vợ chồng ông theo di chúc. Theo nội dung di chúc năm 2009 thì cụ L không di chúc cho vợ chồng ông Tr phần nhà đất như ông Tr đã khai. Tuy nhiên, di chúc năm 2009 chưa được xem xét tại cấp sơ thẩm. Hơn nữa, quan hệ pháp luật của vụ án này là “ Tranh chấp đòi tài sản là

nhà đất”; Bị đơn không có yêu cầu phản tố và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập. Toà án cấp sơ thẩm chỉ xem xét di chúc cụ L lập năm 2015 để xác định quyền tài sản của ông Tr và bà L. Và như phân tích trên thì di chúc cụ L lập năm 2015 không có hiệu lực nên Toà án cấp sơ thẩm buộc vợ chồng ông Tr phải trả L phần nhà đất đang quản lý theo bản di chúc năm 2015, khôi phục L tình trạng ban đầu.

Tại phiên toà phúc thẩm, ông Tr, ông S, bà Đ, bà Th1, bà Th có lời khai xin chia thừa kế di sản của bố mẹ đẻ L. Tuy nhiên theo thẩm quyền của cấp phúc thẩm chỉ xem xét các yêu cầu và nội dung đã được toà án cấp sơ thẩm giải quyết. Vì vậy, yêu cầu chia thừa kế và yêu cầu xem xét bản di chúc năm 2009 của các ông bà sẽ được Toà án xem xét trong vụ án chia thừa kế di sản của cụ Tvà cụ L khi một trong những người được chia đất nhà trong bản di chúc năm 2009 hoặc một trong các người con của cụ L cụ Tcó đơn yêu cầu chia thừa kế.

[3.4].Ông Th khởi kiện đòi tại sản là nhà đất cũng là chính đáng bởi lẽ: các công trình trên đất là nhà , công trình phụ có công sức của vợ chồng ông Th cùng cụ L xây dựng; còn quyền sử dụng 245m2 đất ở có nguồn gốc của cụ Tvà cụ L cũng do vợ chồng và các con ông Th quản lý sử dụng có nhiều công sức. Nay cụ Tvà cụ L đều đã chết, và các con của 2 cụ L chưa có yêu cầu chia thừa kế nên Toà án không thể giải quyết để phân định rõ quyền tài sản là các công trình trên đất có của vợ chồng ông Th là bao nhiêu? Có của cụ L là bao nhiêu? Và kỷ phần thừa kế của ông Th là bao nhiêu m2 đất ở? Trong vụ án này, các con của 2 cụ có tranh chấp liên quan đến di chúc cụ L lập năm 2015 và di chúc này không phù hợp pháp luật nên không phát sinh hiệu lực. Vợ chồng ông Tr căn cứ theo di chúc cụ L lập năm 2015 không có hiệu lực pháp luật để tự ý xây 1 số công trình phụ trên diện tích đất của hộ gia đình cụ Nguyễn Thị L do ông Th là chủ hộ đang quản lý sử dụng là không có căn cứ. Nên buộc vợ chồng ông Tr phải tự dỡ bỏ các công trình xây ngăn nhà đất để khôi phục L hiện trạng ban đầu để trả L quyền tài sản hợp pháp cho hộ gia đình cụ Nguyễn Thị L trong đó có vợ chồng ông Th.

Giả thiết các con của cụ L và cụ Tcó yêu cầu chia thừa kế di sản của 2 cụ đẻ L, thì ông Th cũng là 1 đồng thừa kế được hưởng kỷ phần thừa kế bằng với các thừa kế khác là các anh chị em ông Th; ngoài ra ông Th và vợ con ông còn được thanh toán công sức quản lý duy trì di sản và được sở hữu những tài sản là các công trình trên đất tương ứng với công sức của họ. Theo lời khai thống nhất của các con cụ Tcụ L thì tài sản của 2 cụ gồm có 5 thửa đất mà hiện nay 5 con trai của 2 cụ đang quản lý sử dụng; các con gái lấy chồng về nhà chồng ở. Như vậy, các con của 2 cụ đang đều có chỗ ở ổn định. Toà án sơ thẩm đã xét xử và chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và quyết định giao khối tài sản là nhà đất cho hộ gia đình cụ Nguyễn Thị L; cụ L đã chết nên giao L cho vợ chồng và các con ông Vũ Biên Th là thoả đáng bởi GCNQSD đất và sở hữu nhà và các công trình trên đất do UBND huyện TO cấp cho hộ gia đình cụ L vẫn có hiệu lực và đáp ứng được sự ổn định về chỗ ở cho các bên. Trường hợp có đơn yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Tvà cụ L thì Toà án nhân dân cấp có thẩm quyền sẽ xem xét khối tài sản này và

các khối tài sản khác của cụ Tr và cụ L theo quy định pháp luật để bảo vệ quyền lợi chính đáng cho các đồng thừa kế là anh chị em của ông Th.

[4]. Qua phân tích trên cho thấy bản án sơ thẩm đã xem xét yêu cầu của các bên, đã đánh giá chứng cứ toàn diện đảm bảo đúng quy định pháp luật.

Tuy nhiên: Tòa sơ thẩm buộc vợ chồng ông Tr phải trả L phần nhà đất cho hộ gia đình cụ L nay còn các thành viên trong hộ gia đình là vợ chồng và các con ông Th; nhưng không buộc vợ chồng ông Tr phải dỡ bỏ công trình phụ đã tự ý xây dựng trên đất là thiếu sót. Tại phiên tòa vợ chồng ông Tr tự nguyện không yêu cầu gì về công trình phụ này nếu phải hoàn L tài sản cho hộ gia đình cụ L nên không cần thiết phải sửa bản án sơ thẩm về phần này.

Về án phí DSST: đây là vụ án “Tranh chấp đòi tài sản là nhà đất”; tài sản là nhà và đất này đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu các công trình trên đất, nên xác định án phí vụ án không giá ngạch; vì vậy vợ chồng ông Tr chỉ phải chịu án phí không giá ngạch là 300.000đ. Nên sửa án sơ thẩm.

Ông Tr và Văn phòng công chứng BM không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và được hoàn trả L số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên; Căn cứ Khoản 2 Điều 308 của BLTTDS

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2018/DS-ST ngày 30/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện TO, Thành phố Hà Nội.

Áp dụng các điều 101,106,158,163,166,189,191,192,193,212 của BLDS 2015. Khoản 4 Điều 146 Nghị định 181/2004/CP của Chính phủ. Các Điều 40,41,56 Luật Công chứng năm 2014.

Tuyên xử:

1. Buộc ông Vũ Văn Tr và bà HTL phải trả L nhà và đất hiện ông bà đang quản lý, sử dụng gồm 01 căn nhà 03 gian lợp ngói trên DT đo đạc thực tế 95,6m² của hộ gia đình cụ Nguyễn Thị L cho các thành viên trong hộ gia đình gồm: Ông Vũ Biên Th sinh năm 1975; bà Nguyễn Thị Ng sinh năm 1972; anh Vũ Văn D sinh năm 1997; cháu Vũ Q sinh ngày 29/8/2007 và cháu Vũ Quang M sinh ngày 9/7/2010 cùng quản lý và sử dụng (do ông Vũ Biên Th làm đại diện) để họ sử dụng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do UBND huyện TO cấp số BK 658079 ngày 30/5/2012 cho hộ gia đình cụ Nguyễn Thị L. (Có sơ đồ cụ thể kèm theo bản án).

2. Xác định di chúc của cụ Nguyễn Thị L lập năm 2015 đối với phần tài sản giao cho ông Vũ Văn Tr và bà HTL không có hiệu lực thi hành.

3/ Về án phí DSST:

Ông Vũ Văn Tr và bà HTL liên đới chịu án phí là 300.000đ.

Hoàn trả ông Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.000.000đ tại biên lai thu tiền số 01992 ngày 06/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TO, Hà Nội.

Án phí DSPT:

Hoàn trả ông Vũ Văn Tr số tiền đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000đ tại biên lai thu số 02377 ngày 13/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TO, Hà Nội.

Hoàn trả ông Nguyễn Đăng Ch số tiền đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000đ tại biên lai thu số 02382 ngày 21/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TO, Hà Nội.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hà Nội
- Tòa án nhân dân huyện TO
- Chi cục THADS huyện TO
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Thu Thiện

